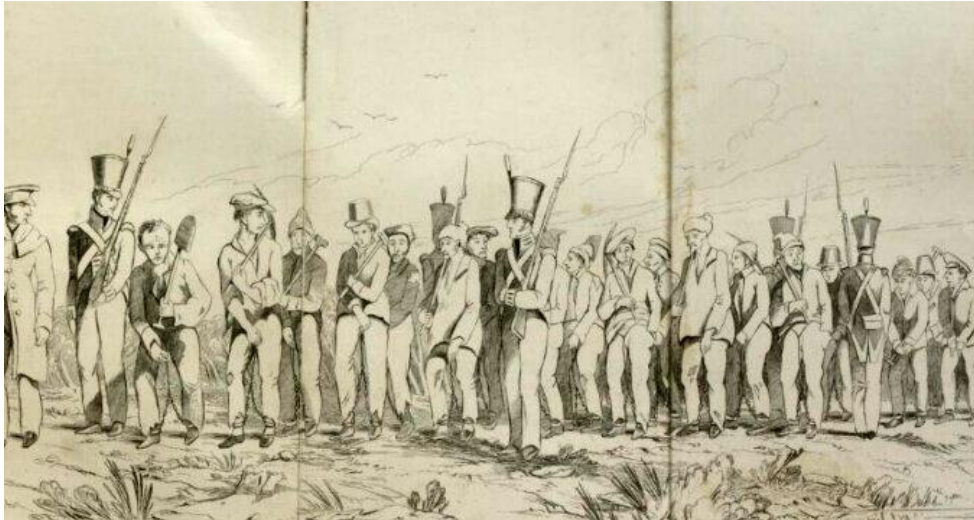


# NƠI LƯU ĐÀY BIỆT XỨ

Ls Lê Đức Minh



Trong thế kỷ 18 và 19, một số lượng lớn tội phạm từ Anh Quốc đã được chính phủ Anh lưu đày sang Úc và những thuộc địa khác của Anh. Một trong những lý do của sự di chuyển này là làm trong sạch xã hội Anh, giảm gánh nặng của nước Anh phải duy trì quá nhiều nhà tù để giam giữ bọn tội phạm, và cũng là một hình thức răn đe cho bọn tội phạm tại Anh rằng nếu họ vi phạm pháp luật thì có thể bị lưu đày biệt xứ.

Trong vòng 80 năm đã có đến 165 ngàn tội phạm từ Anh được chuyển sang thi hành án tù tại Úc. Nghèo đói, tình trạng bất công xã hội, bóc lột sức lao động trẻ em, điều kiện sống cực kỳ khó khăn và mất vệ sinh, làm việc quá nhiều giờ là những vấn nạn nổi bật của nước Anh trong thế kỷ 19.

Những cuốn tiểu thuyết của văn hào Dickens đã miêu tả rất chi tiết tình hình của nước Anh lúc bấy giờ. Thậm chí nhiều chính trị gia tại Anh đã không thể nào chịu đựng nổi khi thấy tình cảnh bi đát của nước Anh vào giai đoạn đó. Từ năm 1833 đến 1844 luật chống sử dụng sức lao động của trẻ con mới được thông qua tại Vương quốc Anh.

Theo cuốn sách Bờ Biển Chết của Robert Hughes thì dân số của Anh và Wales ổn định ở con số 6 triệu từ 1700 đến 1740 bỗng tăng mạnh sau năm 1740. Vào thời điểm của cuộc nội chiến Bắc Mỹ, Luân đôn đông nghẹt và tình trạng thất nghiệp, rượu chè, cờ bạc, tội phạm tràn lan khắp mọi nơi. Nói chung tình hình xã hội Anh, mà điển hình là tại Luân Đôn hết sức đen tối và căng thẳng như một thùng thuốc súng chờ mồi lửa.

Điều ngạc nhiên là hồi đó nước Anh không có lực lượng cảnh sát như bây giờ. Mỗi họ đạo có một người làm công tác cảnh giới. Những kẻ phạm tội hay tình nghi phạm tội

được những người dân tố cáo và bị mang ra tòa án địa phương chứ không qua thủ tục công tố của cảnh sát như bây giờ. Trước tòa tội ác của người phạm tội bị tố cáo bởi chính các nạn nhân.

Đạo luật khắc khe có tên gọi Bloody Code vào thời đó đã khiến cho trong những năm 1770 đã có đến 222 tội phạm tại Anh lãnh án tử hình. Đa số phạm tội trộm cắp hay lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Những tội nhân này có thể bị tử hình vì trộm cắp giá trị tài sản khoảng 5 xu, đốn một cái cây hay chỉ cần ăn trộm một con thỏ trong trang trại.

Cuộc cách mạng công nghiệp đã dẫn đến làm gia tăng tội trộm cắp vặt do tình trạng bản cứng hóa một bộ phận của xã hội. Các nhà tù của Anh lúc đó đông nghẹt người. Nhiều chiến thuyền cũ không còn sử dụng đã được dùng làm nhà tù nổi để giam giữ các phạm nhân. Cứ một trong 10 phạm nhân là phạm tội trộm cắp. Bộ luật Bloody Code nói trên dần dần bị đào thải do các chánh án và bồi thẩm đoàn nhận định rằng nó quá khắc khe. Tuy nhiên những viên chức pháp luật hồi đó vẫn còn muốn dùng luật và hình phạt thật khắc khe để răn đe người dân không phạm tội. Do đó chính phủ Anh đã nghĩ đến biện pháp lưu đày biệt xứ thay vì án tử hình.

Lưu đày biệt xứ từng đã được sử dụng đối với những tội nặng lẫn tội nhẹ từ thế kỷ thứ 17. Trong thế kỷ 17 đến 18 đã có hơn 60 ngàn tội phạm bị lưu đày sang các thuộc địa của Anh tại Bắc Mỹ. Khi cuộc Cách mạng Bắc Mỹ thành công và Hoa kỳ độc lập đã khiến chính phủ Anh phải tìm một nơi nào khác để lưu đày tội phạm.

Ngay sau đó thuyền trưởng James Cook trong chuyến đi thám hiểm Nam Thái Bình Dương đã phát hiện ra vùng bờ biển phía đông của nước Úc, mà ông đặt tên là Botany Bay. Chính Botany Bay là vị trí của thành phố Sydney hiện đại ngày hôm nay. Chính phủ Anh lập tức cho rằng đây là một địa điểm lý tưởng để lưu đày tù nhân từ Anh. Trong năm 1788 Hạm đội 1 cập bến và Australia chính thức trở thành thuộc địa của nước Anh.

Tù nhân bắt đầu được chuyển đến vùng đất mà bây giờ gọi là tiểu bang New South Wales

Ngày 18 tháng Tám năm 1786 quyết định được ban hành để gửi một toán gồm binh lính, tù nhân, và nhân viên dân sự đến Botany Bay. Có tổng cộng 775 tù nhân trên sáu chiếc thuyền vận tải. Những người đi theo gồm có viên chức chính phủ, thủy thủ đoàn, thủy quân lục chiến và gia đình của những người này tổng cộng 645 người. Như vậy có tất cả 11 chiếc thuyền trong Hạm đội 1. Ngoài những chiếc thuyền vận tải chở tù nhân, có hai tàu hộ vệ hải quân và ba tàu chở hàng dự trữ. Hạm đội tập hợp tại Portsmouth và lên đường vào ngày 13 tháng Năm năm 1787.

Hạm đội này cập bến Botany Bay vào ngày 20/02/1788. Tuy nhiên ngay sau đó người ta nhận ra rằng không thể bắt đầu lập nghiệp tại đây được và chuyển đến vùng Port Jackson. Thuộc địa đầu tiên tại Australia được chính thức tuyên bố thành lập vào ngày 26/1/1788 và cho đến nay ngày này hàng năm vẫn được coi là ngày quốc khánh của Australia.

Số người sau đó chết rất nhiều vì tình trạng thiếu thực phẩm. Những chiếc tàu chỉ mang đủ thức ăn cho số người nói trên cho đến khi tự họ phải trồng trọt và chăn nuôi để tạo ra thức ăn. Tuy nhiên do không có kinh nghiệm trồng trọt và chăn nuôi cho nên việc tạo ra thức ăn không phải là một việc dễ dàng. Hạm đội 2 cập bến vào tháng 6/1790 đã không giúp gì được mà còn mang thêm tù nhân bị bệnh và sắp chết vì đói. Việc này đã làm tình hình tại Port Jackson càng tồi tệ hơn.

Thiếu tướng Sir Richard Bourke là thống đốc thứ 9 của tiểu bang NSW từ năm 1831 đến 1837. Ông đã ban hành luật mới chỉ cho phép quan tòa phạt phạm nhân tối đa 50 roi thay vì đánh vô tội vạ như trước. Việc này bị xem là hành pháp can thiệp vào lập pháp và đơn kiện được gửi về Anh, với lý do là giảm hình phạt sẽ làm cho đám tội nhân không còn kiêng sợ pháp luật nữa.

Tuy nhiên ông Bourke vẫn tiếp tục những nỗ lực cải cách của mình. Ví dụ giới hạn những hình phạt dã man đối với tù nhân, giới hạn số tù nhân được cung cấp cho những viên chức sử dụng tối đa là 70 người, đồng thời ban những quyền dân sự cho những tù nhân sau khi họ đã xong án tù và được trả tự do. Những cựu tù nhân này cũng được quyền nhận lãnh đất và quyền làm bồi thẩm trong các phiên tòa. Việc ngừng chuyển phạm nhân đến NSW trong năm 1840 được cho là vì nhân vật Bourke và một luật sư sinh tại Australia là William Charles Wentworth. Thật sự việc lưu đày tù nhân sang NSW chấm dứt vào ngày 1/10/1850.

Nếu một phạm nhân có hành vi tốt, họ có thể được ban chút ít tự do. Sau 7 năm thụ án tù, họ được cấp giấy chứng nhận trả tự do. Sau đó những người này có quyền chọn ở lại Australia hay lên tàu trở về Anh. Những phạm nhân ngoan cố đã được chuyển sang những nơi khác như Portg Arthur ở Tasmania hay Norfolk Island nơi những người này nhận lãnh những hình phạt hà khắc hơn và có khi còn bị biệt giam.

Năm 1803 những đoàn thám hiểm của Anh bắt đầu đi từ Sydney đến Tasmania, lúc đó còn được gọi là vùng đất Van Diemen để thiết lập những trại tù ở đây. Thiếu úy John Bowen được lệnh chỉ huy một toán thám hiểm nhỏ đến lập một thuộc địa ở vùng Risdon Cove phía đông của sông Derwent River. Một toán khác do thiếu tá David Collins đến sau đó và cho rằng địa điểm tại Risdon Cove không thuận lợi và trong năm 1804 ông thành lập một thuộc địa khác bên bờ tây của dòng sông ở vùng Sullivan Cove. Chính chỗ này về sau trở thành thành phố Hobart. Collins trở thành phó thống đốc của thuộc địa Van Diemen, bây giờ là tiểu bang Tasmania.

Khi khu giam giữ phạm nhân tại Norfolk Island bị bãi bỏ vào năm 1807-1808 những phạm nhân đang thụ án lần những người được trả tự do đã được chuyển đến Hobart và được cho đất để trồng trọt. Tuy nhiên việc phát triển nông nghiệp gặp khó khăn và vì số dân cư đột ngột tăng lên gấp đôi.

Từ năm 1816 những người di cư tự nguyện tiếp tục đến từ Anh quốc. Ngày 3/12/1825 Tasmania tuyên bố trở thành một thuộc địa độc lập với NSW với chính phủ riêng.

Vùng giam giữ tù nhân The [Macquarie Harbour](#) ở vùng bờ biển phía Tây của Tasmania được thành lập năm 1820 để khai thác gỗ thông đặc sản dùng làm bàn ghế và đóng tàu. Vùng này cũng là nơi tù nhân không thể trốn thoát được. Những người tìm cách trốn đa số chết đuối, chết đói trong rừng. Những tù nhân này đa số là từng tái phạm cho nên bị đối xử rất tàn bạo, lao động như nô lệ và bị đánh đập tàn nhẫn khi phạm dù một lỗi nhỏ.

Năm 1830 nhà tù Port Arthur được thành lập để thay thế nhà tù Macquarie Harbour. Trại tù này đối xử với phạm nhân nhân đạo hơn nhiều. Đây cũng là nơi hình thành nhà tù kiểu mẫu thử nghiệm. Tại nhà tù này hình thức trừng phạt phổ biến là biệt giam.

Cho đến những năm 1830 đa số cựu tù nhân được tuyển dụng làm việc cho chính phủ hay được tuyển dụng bởi tư nhân. Đầu những năm 1840 việc tha sớm thời hạn được áp dụng. Trong thời gian hai năm các tù nhân được làm việc thử thách trong những trang trại chăn nuôi hay trồng trọt của chính phủ. Sau đó họ được trả tự do, làm việc có lương. Việc chuyển tù nhân đến Tasmania chấm dứt trong năm 1835.

Năm 1823 [John Oxley](#) đi thuyền từ Sydney đến Port Curtis và Moreton Bay để thành lập nơi giam giữ tù nhân khác. Tại Moreton Bay, ông tìm thấy sông Brisbane. Tháng 9/1824 ông quay trở lại với binh lính và thành lập một thuộc địa tạm thời ở vùng Redcliffe. Ngày 2/12/1824 thuộc địa Edenglassie được thành lập và sau này trở thành trung tâm của thành phố Brisbane. Năm 1839 việc chuyển tù nhân đến Moreton Bay chấm dứt và người ta bắt đầu khai khẩn tự do khắp nơi. Ngày 6/6/1859 Queensland trở thành một thuộc địa độc lập.

Việc chuyển tù nhân đến Tây Úc bắt đầu từ năm 1850 đến 1868. Trong giai đoạn này có đến 9668 tù nhân được chuyển đến từ 43 tàu vận tải tù nhân. Những tù nhân được gửi đến khai phá Tây Úc là những người đến NSW, sau đó được chuyển đến Albany vào năm 1826 để hình thành khu định cư tại nơi đây. Lúc đó 1/3 đất đai của Tây Úc vẫn còn được gọi là vùng đất New Holland.

Năm 1848 thống đốc Tây Úc là Charles Fitzgerald xin chính phủ Anh gửi tù nhân đến Tây Úc vì thiếu lao động. Đa số tù nhân đến Tây Úc có thời gian ở tù rất ngắn. Đa số tù nhân được trả tự do và làm việc cho tư nhân. Các tù nhân này đã làm việc hết sức

có kỷ luật và hiệu quả đến mức có lúc báo chí thuộc địa còn kêu gọi những người di dân tự do nên coi những người tù nhân bị lưu đày như những người mở đường xây dựng thuộc địa gương mẫu. Chuyến tàu cuối cùng đưa tù nhân đến Tây Úc là vào ngày 10/01/1968.

Năm 1803 hai tàu chở tù đến Port Phillip. Nơi này được trung úy John Murray phát hiện trước đó một năm. Con tàu Calcutta dưới quyền điều khiển của thiếu tá Collins chở 3000 tù nhân và được hộ tống bởi một con tàu khác là Ocean. Ông Collins chọn vùng Sullivan Bay gần vùng Sorrento ngày nay ở Victoria làm nơi hình thành thuộc địa. Tuy nhiên trong vòng hai tháng thuộc địa này bị bỏ vì không có nước và đất quá xấu. Toàn bộ nhân viên và tù nhân được chuyển về lại Hobart. Một số tù nhân trốn vào rừng và mất tích. Một trong số này là William Buckley sống tại Port Phillip trong 32 năm với người thổ dân và sau đó xuất hiện và làm thông dịch cho những người mới di dân từ Anh quốc sang.

Vùng thuộc địa thứ hai là Westernport Bay, tức là vùng Corinella hiện nay được hình thành tháng 11/1826 gồm 22 tù nhân và 22 binh lính. Sau đó có thêm 12 tù nhân nữa được gửi đến. Vùng này bị bỏ hoang từ tháng 2/1828 và toàn bộ binh lính lẫn tù nhân quay lại Sydney.

Giữa năm 1844 và 1849 có khoảng 1750 tù nhân đến từ Anh. Đa số những người này đến từ nhà tù Pentonville Probationary Prison bên Anh. Những người này khi đến thuộc địa liền được tự do lao động có trả lương nhưng không được rời khỏi nơi cư trú quy định. Port Phillip vẫn là một vùng trực thuộc NSW cho đến lúc này. Victoria chỉ chính thức tách rời khỏi NSW và thành một thuộc địa độc lập từ năm 1851.

Khoảng 20% những tù nhân là phụ nữ. Đại đa số lập gia đình với binh sĩ hay tù nhân ngay để được bảo vệ. Chỉ có một số rất ít trong số họ là có làm điểm tại Anh. Theo luật Anh hồi đó thì làm điểm không phải là tội phải lưu đày biệt xứ.

Từ giữa 1930 có nhiều tiếng nói lên tiếng chống lại việc gửi tù nhân sang các thuộc địa tại Australia. Lý do chính là vì những người di dân tự do lo sợ sự cạnh tranh từ những cựu tù nhân và cũng xuất phát từ tâm lý kỳ thị cho rằng bọn cựu tù nhân là bọn cặn bã của xã hội. Di chuyển tù nhân đến NSW chấm dứt vào năm 1940 và cho đến thời điểm đó đã có 150 ngàn tù nhân được lưu đày đến NSW. Tù nhân đến Brisbane chấm dứt trước đó một năm và quản lý hành chính của đảo Norfolk Island cuối cùng được chuyển giao cho thuộc địa Van Diemen tức là tiểu bang Tasmanis ngày nay.

Việc tiếp tục chuyển tù nhân lưu đày đến vùng thuộc địa Van Diemen đã nhận được sự chống đối kịch liệt của phong trào chống lại việc chuyển tù nhân sang thuộc địa. Đặc biệt là sau vụ khủng hoảng kinh tế vào những năm đầu 1840. Việc chuyển tù

nhân tạm thời đình chỉ vào năm 1846 nhưng ngay sau đó phải tiếp tục vì tình trạng quá tải của các nhà tù tại Anh.

Vào cuối những năm 1840 những tù nhân được chuyển qua Tasmania hầu như được tự do ngay và đi làm có lương dưới sự kiểm soát. Chuyến tàu chở tù nhân cuối cùng đến Australia từ Anh là vào năm 1853 và ngày 10/8/1853 tại Hobart và Launceston tổ chức kỷ niệm 50 năm ngày dân da trắng châu Âu đến định cư tại Australia và cũng đánh dấu việc chấm dứt vĩnh viễn việc chuyển tù nhân lưu đày biệt xứ từ Anh sang Tasmania.

Việc chuyển tù nhân sang Tây Úc chấm dứt bằng chuyến tàu cuối cùng cập bến Tây Úc vào ngày 10/1/1868. Tổng cộng có chừng 164 ngàn tù nhân được chuyển sang các thuộc địa U1ev từ năm 1788 đến 1868 trên 806 chiếc tàu. Đa đa số tù nhân là người Anh và Welsh (70%), Irish (24%), Scottish (5%) và còn lại là những người tại những thuộc địa khác như Ấn độ, Canada, Maoris từ New Zealand, người Hoa từ Hong Kong và nô lệ từ vùng Carebbean.

Chỉ có Nam Úc và Vùng Bắc Úc là chưa bao giờ có tù nhân được gửi đến trực tiếp từ Anh nhưng có nhận tù nhân từ những thuộc địa khác như NSW, Victoria. Có những cựu tù nhân được phép di cư sang New Zealand để xây dựng cuộc sống mới. Vào thời điểm chấm dứt việc chuyển tù nhân từ Anh sang Úc, dân số Úc khoảng 1 triệu người. Và cũng tại thời điểm này những người Úc đó đã bắt đầu tạo dựng được cuộc sống của họ mà không cần đến sức lao động của các tù nhân lưu đày biệt xứ từ Anh.

Đó cũng là lịch sử hình thành các tiểu bang của nước Úc và cuối cùng là nước Úc. Từ một nơi để giữ các tù nhân lưu đày biệt xứ, Úc đã vươn lên và trở thành một trong những quốc gia giàu có và đáng sống nhất trên quả đất này.

**Ls Lê Đức Minh**